

Mẫu nhà số 03
(Nhà vùng đồng bằng)













BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP THÉP MỎNG

CỤ KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỎ		
M1 (2)	1	_____ 1100 _____	10	1100	8	16	17,8	10,85
	2	_____ 1100 _____	10	1100	8	16	17,8	10,85
	3	200 [_____ 1600 _____]	12	2000	4	8	16	14,21
	4	200 [_____ 200 _____] 60	6	1160	8	16	16,56	4,12
M2 (6)	1	_____ 900 _____	10	900	7	42	37,8	23,31
	2	_____ 900 _____	10	900	7	42	37,8	23,31
	3	200 [_____ 1750 _____]	10	1950	4	24	46,8	28,05
	4	200 [_____ 200 _____] 60	6	1160	8	48	55,68	12,36
THICK (kg): 00x 16,5			Ø10x 97,2		Ø12, 14,2			

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP GIẢNG MÓNG, MÓNG VĨA

CÁI KẸN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CẶ	T. BỎ		
D61 (Đ)	2	450 <input type="text"/> 4080 <input type="text"/> 450	14	4880	2	6	29,76	35,96
	2	<input type="text"/> 4080 <input type="text"/>	14	4080	2	6	24,36	28,44
	3	160 <input type="text"/> 240 <input type="text"/> 60	6	920	26	78	71,76	15,93
D62 (Đ)	1	450 <input type="text"/> 9250 <input type="text"/> 450	14	10150	2	4	40,6	48,06
	2	<input type="text"/> 9250 <input type="text"/>	14	9250	2	4	37	44,71
	3	<input type="text"/> 1800 <input type="text"/>	14	1800	1	2	3,8	4,59
	4	<input type="text"/> 3100 <input type="text"/>	14	3100	1	2	6,2	7,49
MV (Đ)	5	160 <input type="text"/> 240 <input type="text"/> 60	6	920	61	122	112,24	24,91
	1	<input type="text"/> 4080 <input type="text"/>	8	4080	2	2	8,12	3,20
	2	<input type="text"/> 60 <input type="text"/> 160 <input type="text"/> 60	6	280	20	20	5,6	1,24
THKJ (kg): Đ6: 42,1 Đ6: 3,2 Đ14: 171,2								

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP CỘT

CÁC KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỎ		
CỘT C1 (Đ. 2)	1		10	2820	4	8	23.36	14.40
	2		6	760	18	36	27.36	6.07
	3		6	520	12	24	12.48	2.77
CỘT C2 (Đ. 2)	1		12	5670	4	8	48.96	41.89
	2		12	1670	4	8	13.36	11.98
	3		6	760	32	64	48.64	10.80
CỘT C3 (Đ. 2)	4		6	520	20	40	20.8	4.62
	1		10	3520	4	8	28.16	17.36
	2		6	760	24	48	38.48	8.10
CỘT C4 (Đ. 2)	3		6	520	16	32	16.64	3.89
	1		10	3170	4	8	26.36	15.64
	2		6	760	22	44	33.44	7.42

BẢNG THÔNG KÊ CỘT THÉP GIÀNG CỘT +2.9

CỤ KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	BUÔNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CK	T. BỎ		
D2-1 (Đ)	1	450 <input type="text"/> 3600 <input type="text"/> 450	14	4800	2	4	19.44	23.49
	3	160 <input type="text"/> 240 <input type="text"/> 60	6	920	28	62	47.84	10.62
	2	<input type="text"/> 3600 <input type="text"/>	14	3600	2	4	15.84	18.14
D2-2 (Đ)	1	450 <input type="text"/> 7760 <input type="text"/> 450	14	8600	2	4	34.64	41.86
	2	<input type="text"/> 7760 <input type="text"/>	14	7760	2	4	31.04	37.51
	3	160 <input type="text"/> 240 <input type="text"/> 60	6	920	51	102	93.84	20.83
D2-3 (Đ)	1	400 <input type="text"/> 1590 <input type="text"/> 400	12	2260	2	4	9.44	8.36
	2	<input type="text"/> 1590 <input type="text"/>	12	1590	2	4	6.24	5.54
	3	90 <input type="text"/> 140 <input type="text"/> 60	6	590	10	20	11.6	2.57
THKL (kg): Ø6: 34.0 Ø12: 13.9 Ø14: 122.0								